TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH ĐẠI** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **143/**2024/HNGĐ-ST
Ngày: 24/10/2024
Về việc tranh chấp: "*Ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Long Hồ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Minh Quang;

2. Ông Nguyễn Văn Hiếu.

***- Thư ký phiên Tòa*:** Ông Lê Minh Trọng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre tham gia phiên toà: Ông Đinh Bảo Quốc – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 10 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 424/2024/TLST–HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2024 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 282/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 9 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 214/2024/QĐST- HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Phùng Cẩm T**, sinh năm 1992 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã C, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Chị Phùng Cẩm T vắng mặt và có Đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt đề ngày 07/10/2024.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn T1**, sinh năm 1990 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã C, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn xin ly hôn đề ngày 25/7/2024, bản tự khai ngày 04/9/2024 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phùng Cẩm T trình bày như sau:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị T và anh T1 tự nguyện tiến tới hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, cưới nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp vào năm 2014. Thời gian đầu sống chung có hạnh phúc nhưng đến tháng 3/2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, dẫn đến thường xuyên cự cãi nhau, không tìm được tiếng nói chung và anh chị đã ly thân từ tháng 3/2024 cho đến nay, mỗi người một cuộc sống riêng, không ai quan tâm ai. Nay, thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên chị yêu cầu Tòa án cho ly hôn với anh T1.

- *Về con chung:* Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị có 01 con chung tên là Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 04/02/2016. Khi ly hôn chị T yêu cầu nuôi con chung. Trước đây, chị T yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con 2.500.000 đồng/tháng, tại Đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ngày 07/10/2024, chị T thay đổi yêu cầu và yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

- *Về tài sản chung:* Không có.

- *Về nợ chung:* Không có.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Bình Đại đã tống đạt hợp lệ cho anh Nguyễn Văn T1 các văn bản tố tụng nhưng anh T1 vắng mặt không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như phiên tòa xét xử vụ án mặc dù anh vẫn còn sinh sống tại địa phương nên Tòa án không thu thập được lời khai của anh Nguyễn Văn T1.*

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Đối với Thẩm phán có chấp hành tốt theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, thực hiện đúng các nguyên tắc do pháp luật quy định. Đối với những người tham gia tố tụng thì nguyên đơn chấp hành tốt, bị đơn vắng mặt không lý do là vi phạm nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 116, 119 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phùng Cẩm T đối với anh Nguyễn Văn T1.

- Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 04/02/2016 cho chị Phùng Cẩm T được nuôi dưỡng. Buộc anh Nguyễn Văn T1 cấp dưỡng nuôi con cho chị Phùng Cẩm T theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung: Chị T khai không có, nên không xét đến.

- Về nợ chung: Chị T khai không có, nên không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Phùng Cẩm T khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn Văn T1. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này được xác định là "Ly hôn" theo quy định tại khoản 14 Điều 3 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn anh Nguyễn Văn T1 có đăng ký thường trú và hiện đang sinh sống tại ấp H, xã C, huyện B, tỉnh Bến Tre. Căn cứ theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để xét xử nhưng anh vẫn vắng mặt không có lý do. Chị Phùng Cẩm T vắng mặt và có Đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt đề ngày 07/10/2024. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

[4] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị T và anh T1 cưới nhau vào năm 2014 trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện T,

tỉnh Đồng Tháp, tỉnh Bến Tre theo Giấy chứng nhận kết hôn số 118 ngày 30 tháng 12 năm 2014 theo đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T1 được công nhận hợp pháp.

Nay, chị T yêu cầu ly hôn anh T1 vắng mặt nên không có lời khai. *Hội đồng xét xử xét thấy:* Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời khai của chị T trong quá trình giải quyết vụ án, đều xác định được cuộc sống vợ chồng của anh chị đã phát sinh mâu thuẫn từ tháng 3/2024, nguyên nhân do vợ chồng không cùng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cãi nên anh chị đã ly thân từ tháng 3/2024 cho đến nay, mỗi người đã có một cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai.

Toà án đã tiến hành mời chị T và anh T1 để hoà giải, nhằm cho các bên có cơ hội hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh T1 vẫn vắng mặt không lý do, điều đó cho thấy anh T1 đã không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân này.

Vậy, có cơ sở để Hội đồng xét xử xác định giữa chị T và anh T1 đã không còn quan tâm, chăm sóc đến cuộc sống của nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình. Điều đó cũng chứng tỏ hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về con chung: Trong quá trình sống chung giữa chị T và anh T1 có 01 con chung tên là Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 04/02/2016. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được nuôi con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy: Từ khi ly thân đến nay, chị T nuôi con chung vẫn phát triển bình thường, các cháu được học tập đầy đủ. Do đó, nhằm để ổn định về tinh thần, quyền lợi về mọi mặt của con chung nên để chị T được tiếp tục nuôi con chung là phù hợp điều kiện, hoàn cảnh, nguyện vọng của cháu Hoàng N và phù hợp quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Chị Phùng Cẩm T là người trực tiếp nuôi con và có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình quy định: *"2. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho con."*

Vậy, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị Phùng Cẩm T là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

Đối với mức cấp dưỡng nuôi con: Tại khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình quy định "*Mức cấp dưỡng do Tòa án quyết định nhưng* ***không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng*** *tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con*"

Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số: 38/2022/NĐ-CP ngày 12/06/2022 của Chính phủ quy định về mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động và đối chiếu phụ lục ban hành kèm theo thì huyện B thuộc Vùng III có mức lương tối thiểu là **3.640.000** đồng/tháng.

Từ những cơ sở nêu trên, mức lương cấp dưỡng nuôi con hằng tháng theo quy định hiện nay là **1.820.000** đồng/tháng/01 con chung.

Vậy, anh Nguyễn Văn T1 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hằng tháng cho chị Phùng Cẩm T số tiền 1.820.000 đồng/tháng (Một triệu tám trăm hai mươi nghìn đồng một tháng) là phù hợp với quy định tại Điều 110, Điều 116 và Điều 119 Luật hôn nhân và gia đình.

[6] Về tài sản chung: Chị Phùng Cẩm T khai không có nên không xét đến.

[7] Về nợ chung: Chị Phùng Cẩm T khai không có nên không xét đến.

[8] Về án phí:

- *Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:* Chị Phùng Cẩm T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

- *Về án phí cấp dưỡng nuôi con:* Anh Nguyễn Văn T1 phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 14 Điều 3, các Điều 51, 56, 57, 59, 81, 82, 83, 84, 119 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238; khoản 4 Điều 147, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị định số: 38/2022/NĐ-CP ngày 12/06/2022 của Chính phủ quy định về mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phùng Cẩm T đối với anh Nguyễn Văn T1. Cho ly hôn giữa chị Phùng Cẩm T và anh Nguyễn Văn T1.

Quan hệ hôn nhân giữa chị Phùng Cẩm T và anh Nguyễn Văn T1 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 118 ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, tỉnh Bến Tre chấm dứt kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về nuôi con chung:

Giao con chung Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 04/02/2016 cho chị Phùng Cẩm T trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Nguyễn Văn T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị Phùng Cẩm T số tiền 1.820.000 đồng/tháng (Một triệu tám trăm hai mươi nghìn đồng một tháng). Thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày tuyên án (24/10/2024).

Anh Nguyễn Văn T1 không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Chị Phùng Cẩm T trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Nguyễn Văn T1 trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84, Điều 119 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, đồng thời theo yêu cầu của chị T, anh T1, Tòa án có thể quyết định thay đổi người nuôi con và thay đổi yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Chị Phùng Cẩm T khai không có nên không xét đến.

4. Về nợ chung: Chị Phùng Cẩm T khai không có nên không xét đến.

5. Về án phí:

- *Án phí hôn nhân sơ thẩm:* Chị Phùng Cẩm T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0002037 ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre. Vậy, chị Phùng Cẩm T đã nộp đủ án phí.

- *Án phí cấp dưỡng nuôi con:* Anh Nguyễn Văn T1 phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Phùng Cẩm T, anh Nguyễn Văn T1 vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (Phòng KTNV&THA);
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- UBND xã Châu Hưng;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phạm Long Hồ